

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/11/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		SAVR+RP2	7:25	20+0	0+0		6+0	0+0	chuyen 1 savr- rp2
2		P3+P9+CTK3	7:25	5+0+17	0+0+0		0+2+18	0+0+0	
3		BK10-TD1	7:25	22	0		22	0	
4		SAVR+BK16+GTCL	9:25	8+7+6	0+0+0		0+5+5	0+0+0	
5		PPD	9:25	19	0+0		0+20	0+0	
6		CLO	9:25	22	0		19	0	
7		TGTH1+AMD+P8	11:00	2+16+1	0+0+0		0+17+1	0+0+0	
8		CTK3+P5+P3	11:25	12+7+3	0+0+0		11+2+5	0+0+0	
9		SAVR+BK6	11:25	21+0	0+0		8+9	0+0	
10		TD1+PPD+BK8	11:25	8+8+1	0+0+0		0+15+1	0+0+0	
11		SAVR+RC4+P1	13:25	16+0+4	0+0+0		0+1+6	0+0+0	chuyen 6 rc4- p1
12		TD5+AMD+HST	13:25	2+11+8	0+0+0		2+2+2	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ CTC1 2 ng. về qua AVRORA



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2024	TO: SAVR - RP2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:32
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HÙNG - SƠN - TÚ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOÀNG NHẬT ANH	SAVR	24-26	3	17			54	VŨ GIA	Vietnamese
2	KIMAKOVSKII MAKSIM	SAVR	29	1	9			86	AMNGR	Russian
3	KOLPAK VLADIMIR	SAVR	32-33	2	15			98	AMNGR	Russian
4	DIACHUK DMITRII	SAVR	36-38	3	16			66	AMNGR	Russian
5	KHOKHLOV VLADISLAV	SAVR	30-31	2	20			93	AMNGR	Russian
6	SIEEDIN ROMAN	SAVR	28	1	6			78	AMNGR	Russian
7	VTEKHIN IVAN	SAVR	34	1	6			78	AMNGR	Russian
8	BOGOMOLOV EVGENII	SAVR	35	1	7			96	AMNGR	Russian
9	ĐẶNG TRỌNG HIẾU	SAVR	23	1	3			54	D-HANH	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU LONG	SAVR	18	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN KHÁC KHANH	SAVR	22	1	3			60	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC DŨNG	SAVR						70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HOANG LONG	SAVR	39-40	2	18			81	KHOAN	Vietnamese
14	KIRICHENKO KONSTANTIN	SAVR	41	1	15			89	KHOAN	Russian
15	TÀ NGỌC ANH	SAVR						68	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ ĐỨC THO	SAVR	21	1	3			78	KHOAN	Vietnamese
17	ĐẶNG VĂN HAN	SAVR						75	KHOAN	Vietnamese
18	BUI ANH SƠN	SAVR						66	KHOAN	Vietnamese
19	CHEPKO V	SAVR	27	1	5			82	KHOAN	Russian
20	DƯƠNG KHANH HOANG	SAVR	19-20	2	14			81	BAKER HU	Vietnamese
21	ARKHIPOV ANDREI	SAVR	42	1	14			113	AMNGR	Russian
22	AZARENKOV KIRILL	SAVR	43	1	17			93	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	22	1.724	26	191	0	0	6		CHUYEN 1 PAX SAVR-RP2
2	RP2	0	0	0	0	2	35	0		
TOTAL		22	1.724	26	191	2	35	6		
WEIGHT KG			1.724		191		35			

GRAND TOAL: 1.950 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2024	TO: P3 - P9 - CTK3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: XHOÀN - XTRƯỜNG -	ETA: 09:30
VANG-1		HIÊU	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HỮU PHƯƠNG	P3						69	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
2	LÊ HỒNG ĐẠI	P3	93	1	4			73	D-HANH	Vietnamese
3	TRINH HOANG NGUYEN	P3	92	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
4	NHÂM ĐIỆN BIÊN	P3						69	NIPI	Vietnamese
5	PHAN VĂN THỊNH	P3	91	1	5			72	NIPI	Vietnamese
6	PHẠM MINH TUẤN	CTK3	80-81	2	11	5	100	75	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THANH HAI	CTK3	95-96	2	11			74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH TUẤN	CTK3	89	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH ĐỨC	CTK3	90	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC HIÊU	CTK3	93	1	2			71	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐINH VĂN THÔNG	CTK3	77-78	2	13			70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HIỆU	CTK3	97	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ NGỌC HAI	CTK3	79	1	7			98	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO ĐÌNH THAM	CTK3	99,2000	2	11			59	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN MẠNH HÙNG	CTK3	84	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG MẠN	CTK3	96	1	4			56	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TUẤN ANH	CTK3	94-95	2	13			63	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ NGUYỄN HOANG LONG	CTK3	82-83	2	18			93	KH-THAC	Vietnamese
19	TRƯƠNG QUỐC BAO	CTK3	91-92	2	9			59	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3						73	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ ĐĂNG MINH ĐỨC	CTK3	97-98	2	15			90	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN NHÂN KHANH	CTK3	98	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P3	5	349	3	12	0	0	0		
2	P9	0	0	0	0	0	0	2		
3	CTK3	17	1.246	24	142	5	100	18		
TOTAL		22	1.595	27	154	5	100	20		
WEIGHT KG			1.595		154		100			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2024	TO: BK10 - TD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LINH - ĐNAM - VŨ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN HUU DUC	BK10	06	1	9	1	19	78	T-TIN	Vietnamese
2	NGUYEN HUU TUYEN	BK10	03-04	2	20			62	T-TIN	Vietnamese
3	NGUYEN HUU TOAN	BK10	01-02	2	18			67	T-TIN	Vietnamese
4	BADRETDINOV EDGAR	TD1	97	1	6	4	80	78	KHOAN	Russian
5	BUI VAN NINH	TD1	57	1	8			81	KHOAN	Vietnamese
6	ĐANG VIET KHÔI	TD1						74	KHOAN	Vietnamese
7	ĐOAN VAN LEO	TD1	29	1	4			78	KHOAN	Vietnamese
8	DUTKO VASILII	TD1				2	32	91	ĐẠI LAM-T	Russian
9	MAI ANH TUAN	TD1	30	1	7			75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN HAI LAM	TD1	34	1	6			65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN MANH CUONG	TD1	28	1	11			101	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MINH SON	TD1	33	1	6			79	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC DUNG	TD1	60	1	6			65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN THIEU	TD1	56	1	7			72	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG THUY	TD1	28	1	9			67	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM DINH BAO	TD1	29	1	10			66	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM DUC TUAN	TD1	13	1	7			75	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM VAN TRI	TD1	59	1	10			72	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN VAN SANG	TD1	32	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN TAT LOC	TD1	30	1	3			58	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN THANH CONG	TD1	58	1	4			66	SPV	Vietnamese
22	DAU VIET BAC	TD1	31	1	3			76	SPV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK10	3	207	5	47	1	19	0		
2	TD1	19	1.403	17	111	6	112	22		
TOTAL		22	1.610	22	158	7	131	22		
WEIGHT KG			1.610		158		131			

GRAND TOAL:

1.867 KGS

732 kg

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2024	TO: SAVR - BK16 - GTC1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HUNG - SON - TU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG LINH	SAVR	44	1	6	3	50	65	B HUGHES	Vietnamese
2	VU VAN TUONG	SAVR	50	1	11			75	B HUGHES	Vietnamese
3	DROZDOV ANDREI	SAVR	48-49	2	7			86	AMNGR	Russian
4	KRIVOSHEEV MAKSIM	SAVR	45	1	18			96	AMNGR	Russian
5	GORCHAKOV SERGEI	SAVR						98	AMNGR	Russian
6	PHAM QUANG VINH	SAVR	46-47	2	14			73	PV DRILLIN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TINH	SAVR	51	1	17	2	32	80	XAYLAP	Vietnamese
8	LUU VAN SON	BK16	81	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN LIEU	BK16	82	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM VAN HA	BK16						65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VIET TIEN	BK16	80	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MINH TRUNG	BK16	78	1	8			83	CODIEN	Vietnamese
13	DUONG HUU THUAN	BK16	79	1	6	5	56	63	CODIEN	Vietnamese
14	VU DINH CHIEN	BK16	83	1	3			70	PSV	Vietnamese
15	HOANG XUAN HIEU	GTC1	70	1	5	1	15	62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUU TAN	GTC1	69	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
17	DANG TRAN KHANH	GTC1	73	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
18	LE THANH HA	GTC1	71	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN DUC BAU	GTC1	75	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese
20	HO DINH THONG	GTC1	67	1	9	1	18	64	XAYLAP	Vietnamese
21	LE QUANG HA	GTC1	72	1	6			78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	7	573	8	73	5	82	0		
2	BK16	7	495	6	32	5	56	5		
3	GTC1	7	481	7	41	2	33	5		
TOTAL		21	1.549	21	146	12	171	10		
WEIGHT KG			1.549		146		171			

GRAND TOAL: 1.866 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/11/2024	TO: PPD	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:58
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: XHOÀN - XTRƯỜNG -	ETA: 11:50
VANG-2		HIỀU	

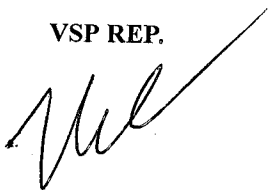
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TA CAO BIEN	PPD	56	1	5	2	42	65	D-HANH	Vietnamese
2	HUYNH XUAN TRUONG	PPD	59	1	8	7	130	74	D-HANH	Vietnamese
3	VU VAN TOAN	PPD	60	1	5			74	D-HANH	Vietnamese
4	GALLIAMOV I.M.	PPD	45	1	5			67	KH-THAC	Russian
5	PHAN VAN THANG	PPD	58	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG NHAT QUANG	PPD	48	1	2			72	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN DUC TUAN	PPD	61	1	4			58	YTE	Vietnamese
8	NGUYEN VAN DO	PPD						64	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN THANH QUANG	PPD	62	1	3			78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN NHAN	PPD	53	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN NGOC DUC THANG	PPD	65	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRUONG GIA TRI	PPD	51	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THANH BINH	PPD	50	1	10			86	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN KHAC LAM	PPD	52	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN VAN TAN	PPD	49	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN GIANG	PPD	55	1	3			56	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DINH TUAN	PPD				2	23	55	KH-THAC	Vietnamese
18	TO HIEN THANH	PPD	54	1	6			55	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VAN MANH	PPD	57	1	6			49	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	19	1.274	17	84	11	195	22		
TOTAL		19	1.274	17	84	11	195	22		
WEIGHT KG			1.274		84		195			

GRAND TOAL: 1.553 KGS

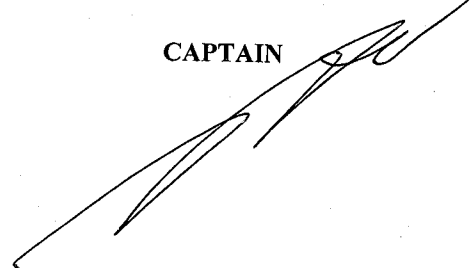
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2024	TO: CLO	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: LINH - ĐNAM - VŨ	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN NGỌC THẠCH	CLO	73	1	7			60	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN SINH	CLO	86	1	6			65	KHOAN	Vietnamese
3	HOÀNG VĂN TRUNG	CLO	72	1	3			75	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ MINH TŨ	CLO	83	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN ĐƯỢC	CLO	81	1	6			68	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN QUANG HUY	CLO	82	1	9			75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG TÂM	CLO	87	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
8	CHU ĐỨC AI	CLO	80	1	4			81	KHOAN	Vietnamese
9	HOÀNG VĂN BÓN	CLO	96	1	8			62	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN TÂM	CLO	79	1	6			65	KHOAN	Vietnamese
11	CAO VĂN VIỆT	CLO	84	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
12	BUI TRƯỜNG SINH	CLO	85	1	3			75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	CLO	88	1	10	1	17	68	DVL	Vietnamese
14	PHAN TUÂN ĐỨC	CLO	90	1	13			66	DVL	Vietnamese
15	TRẦN QUỐC HƯƠNG	CLO	91	1	10			96	DVL	Vietnamese
16	TRẦN VĂN MẠNH.	CLO	97	1	10			69	DVL	Vietnamese
17	PHẠM ĐÌNH SINH	CLO	93	1	12			71	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC NINH	CLO	92	1	17			73	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN DUY ĐÔNG	CLO	99	1	4			71	PSV	Vietnamese
20	LÊ MINH MINH	CLO	800	1	4			70	PSV	Vietnamese
21	VŨ MẠNH DŨNG	CLO	94-95	2	8			74	PSV	Vietnamese
22	LƯƠNG TRỌNG DƯƠNG	CLO	98	1	8	5	80	55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	22	1.558	23	160	6	97	17		
TOTAL		22	1.558	23	160	6	97	17		
WEIGHT KG			1.558		160		97			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2024	TO: TGTH1 - AMD - P8	AIRCRAFT: 614	ETD: 11:00
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: NKHANH - TRINH	ETA: 12:50
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CHU ĐỨC CHI	TGTH1	53-54	2	14			72	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VAN HUONG	TGTH1	52	1	4	2	30	68	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN NAM TRUNG	AMD	45	1	10			73	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐO ĐỨC THỊNH	AMD	56	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
5	TRƯỜNG LÊ ANH DUNG	AMD	42-43	2	18			96	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NAM TRUNG	AMD	46	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	59	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
8	TANG VAN BA	AMD	49	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN VAN THUY	AMD	61	1	6	1	30	74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN LÊ DUY LÊ	AMD	50	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG ĐÌNH VINH	AMD	57-58	2	16			67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN LƯƠNG HÀ NAM	AMD	52-53	2	8			75	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN HUU DANG	AMD	60	1	6			86	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN TÂN TRI	AMD	54	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT LAM	AMD	47-48	2	8			76	KH-THAC	Vietnamese
16	LAM VAN HANH	AMD	51	1	9			61	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	AMD	55	1	6			74	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN LAM THẮNG	AMD	44	1	4			87	PSV	Vietnamese
19	LÊ VĂN DUNG	P8	51	1	13			75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TGTH1	2	140	3	18	2	30	0		
2	AMD	16	1.185	20	130	1	30	16		
3	P8	1	75	1	13	0	0	1		
TOTAL		19	1.400	24	161	3	60	17		
WEIGHT KG			1.400		161		60			

GRAND TOAL: 1.621 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/11/2024		TO: CTK3 - P5 - P3				AIRCRAFT: 428			ETD: 12:10	
FLIGHT: 08		FROM: VT				CREW: LTUẤN - MTHAO -			ETA: 14:00	
XANH-3						QTRƯỜNG				
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	78	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH ĐIỆN	CTK3	82	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN TRUNG THÀNH	CTK3	79-80	2	12			81	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN TRUNG KIẾN	CTK3						75	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI THANH HOẠT	CTK3	73	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ TRỌNG NGHĨA	CTK3	84	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	CTK3	75	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ MẬU MÈN	CTK3	74	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI CÔNG THẮNG	CTK3	83	1	8			59	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM BA HOANG	CTK3	76-77	2	12			71	KH-THAC	Vietnamese
11	SHEREMETIEV A.V.	CTK3	85	1	9			79	D-HANH	Russian
12	NGUYỄN VIỆT TOÀN	CTK3	81	1	7			95	PSV	Vietnamese
13	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	P5	46	1	4	2	18	73	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ HUY MẠNH	P5	47	1	13			82	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THẾ HẠNH	P5	43	1	12			68	KH-THAC	Vietnamese
16	TRƯỜNG THẾ VINH	P5	42	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ XUÂN TÂM	P5	41	1	14			67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN LAM	P5	38-39	2	16			70	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC HIỆU	P5	40	1	10			72	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HAI	P3	84-85	2	20			62	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
21	TRANG NGỌC NAM	P3	88	1	14			69	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
22	TRẦN QUỐC TUẤN	P3	86	1	10	1	22	76	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	12	887	13	85	0	0	11		
2	P5	7	499	8	78	2	18	2		
3	P3	3	207	4	44	1	22	5		
TOTAL		22	1.593	25	207	3	40	18		
WEIGHT KG			1.593		207		40			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2024	TO: SAVR - BK6	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: CHIẾN - HTRUNG -	ETA: 14:05
VANG-3		THÀNH	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐOÀN ANH QUYẾT	SAVR	77	1	17			80	PV DRILLIN	Vietnamese
2	NGUYEN MANH CUONG	SAVR	84-85	2	17			63	PV DRILLIN	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC LANG	SAVR	74-75	2	13	1	14	62	VU GIA	Vietnamese
4	HOANG THAI SON	SAVR	71-72	2	18			76	PVD TRAIN	Vietnamese
5	TROIANOV DMITRII	SAVR	62	1	17			83	AMNGR	Russian
6	GOLUBKOV IGOR	SAVR	61	1	6			112	AMNGR	Russian
7	VOLKOV ARTEMII	SAVR	60	1	11			96	AMNGR	Russian
8	NGUYEN ĐỨC NGHĨA	SAVR	69	1	9	1	17	72	PVD TRAIN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN LAI	SAVR	67-68	2	14			63	PVD TRAIN	Vietnamese
10	TRỊNH VĂN KIẾN	SAVR	73	1	8			64	PVD TRAIN	Vietnamese
11	SACHOK VALERII	SAVR	58	1	10			85	AMNGR	Russian
12	VILISOV VIACHESLAV	SAVR	57	1	8			71	AMNGR	Russian
13	SERGEEV SERGEI	SAVR	59	1	5			80	AMNGR	Russian
14	DUƠNG TRUNG KIẾN	SAVR	83	1	10			62	DVL	Vietnamese
15	TRẦN ĐẠI HÙNG	SAVR	86	1	10	4	50	76	DVL	Vietnamese
16	MAI VĂN BÌNH	SAVR	63	1	8			62	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN VĂN CÔNG	SAVR	79	1	13	1	11	70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN DUY KHANH	SAVR	64-65	2	18	1	5	70	XAYLAP	Vietnamese
19	ÔNG HUYNH ĐỨC ANH	SAVR	81-82	2	13			69	BAKER HU	Vietnamese
20	KHÚC THAI HOA	SAVR	78	1	14			69	DMC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	20	1.485	26	239	8	97	9		
2	BK6	0	0	0	0	2	20	9		
TOTAL		20	1.485	26	239	10	117	18		
WEIGHT KG			1.485		239		117			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

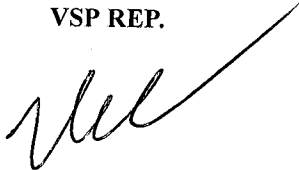
DATE: 19/11/2024		TO: TD1 - PPD - BK8				AIRCRAFT: 427			ETD: 12:20	
FLIGHT: 10		FROM: VT				CREW: KHOÀN - NPHÚ - DTÙNG			ETA: 14:10	
Tang 1-3										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TÔNG TIẾN QUANG	TD1	18	1	16			80	DVL	Vietnamese
2	VU MẠNH NAM	TD1	19	1	11			76	DVL	Vietnamese
3	PHẠM THẾ THUẬN	TD1	21	1	5			72	PSV	Vietnamese
4	TU DƯƠNG HUNG	TD1	20	1	5			70	PSV	Vietnamese
5	LÊ HAI AN	TD1	17	1	7			72	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN HOANG SON	TD1	15-16	2	17			85	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯƠNG TUẤN HUNG	PPD	81	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
8	K LY	PPD	83	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	PPD						81	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC DUNG	PPD	85	1	12			100	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRƯỞNG SƠN	PPD	86-87	2	15			77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN QUY	PPD	81-82	2	13			66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC DU	PPD	80	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÌNH TÙNG LAM	PPD	78-79	2	14	1	14	75	T-TIN	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC LỆ	PPD	73	1	5			67	PSV	Vietnamese
16	TRẦN XUÂN TRUNG	PPD	76	1	7			78	KHI	Vietnamese
17	MAI XUÂN TRỤ	PPD	75	1	6			73	KHI	Vietnamese
18	LƯƠNG ĐỨC THIÊN	PPD	77	1	7			107	KHI	Vietnamese
19	TRINH HOANG THEM	PPD	24	1	6			64	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NAM	BK8	15-16	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	6	455	7	61	0	0	2		
2	PPD	13	992	15	100	1	14	19		
3	BK8	1	70	2	19	0	0	1		
TOTAL		20	1.517	24	180	1	14	22		
WEIGHT KG			1.517		180		14			

GRAND TOAL: 1.711 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2024		TO: SAVR - RC4 - P1			AIRCRAFT: 428			ETD: 14:30		
FLIGHT: 11		FROM: VT			CREW: LTUẤN - MTHAO -			ETA: 16:20		
HONG-4					QTRƯỜNG					
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ ANH SƠN	SAVR	03	1	10			70	DMC	Vietnamese
2	KARNIUKHIN VITALII	SAVR	4000	1	13			71	AMNGR	Russian
3	SEMENOV VASILII	SAVR	98-99	2	14			76	AMNGR	Russian
4	BASYROV IRSHAT	SAVR	01-02	2	11			88	AMNGR	Russian
5	SOROKACH VLADIMIR	SAVR	95-96	2	18			86	AMNGR	Russian
6	MUSLIMOV RUSTAM	SAVR	97	1	11			103	AMNGR	Russian
7	KOZLOV YURII	SAVR	91-92	2	17			96	AMNGR	Russian
8	DO DUC NGOC	SAVR	14	1	12			74	PVD WELL	Vietnamese
9	NGUYEN CANH HUNG	SAVR	10-11	2	16			68	PVD TRAIN	Vietnamese
10	BUI ANH PHUONG	SAVR	15	1	9			70	PVD WELL	Vietnamese
11	NGUYỄN XUAN VINH	SAVR	04	1	16			93	DVL	Vietnamese
12	VÔ THANH ĐOÀN	SAVR	05-06	2	13			66	B HUGHES	Vietnamese
13	ĐAO DUY KHANH	SAVR	09	1	15			76	B HUGHES	Vietnamese
14	ĐO GIA LUỘNG	SAVR	07-08	2	15			89	B HUGHES	Vietnamese
15	NGUYỄN CAO TRUNG	SAVR	12-13	2	14			65	PV DRILLIN	Vietnamese
16	POPUCHENKO A.	SAVR	93-94	2	12			86	AMNGR	Russian
17	IUKHIMCHUK	P1	03	1	12			83	KH-THAC	Russian
18	NGUYỄN THANH LUÂN	P1	04	1	11			58	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ THAI THANH	P1	05-06	2	17			75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	P1	02	1	15			136	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	16	1.277	25	216	0	0	0		
2	RC4	0	0	0	0	0	0	1	6	CHUYEN 6 PAX RC4-P1
3	P1	4	352	5	55	0	0	6		
TOTAL		20	1.629	30	271	0	0	7		
WEIGHT KG			1.629		271		0			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/11/2024	TO: TD5 - AMD - HST	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:35
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: CHIẾN - HTRUNG -	ETA: 16:25
CAM-4		THÀNH	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VŨ DUYỀN	AMD	99	1	7			69	PSV	Vietnamese
2	TRẦN ĐÌNH ĐỊNH	AMD	98	1	6			75	PSV	Vietnamese
3	TRẦN CAO TẠNG	AMD	90	1	5			77	PSV	Vietnamese
4	BUI TIẾN SỸ	AMD	92	1	10			61	PHATECO	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC TIẾP	AMD	91	1	6			65	PHATECO	Vietnamese
6	TRẦN QUANG NGUYỄN	AMD	94	1	10			68	PHATECO	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY DÂN	AMD	89	1	10			77	PHATECO	Vietnamese
8	LÊ NGỌC CHÂN	AMD	97	1	5			73	PHATECO	Vietnamese
9	LÊ NHƯ HÙNG	AMD	93	1	7			58	PHATECO	Vietnamese
10	ĐẶNG QUỐC TỬ	AMD	95-96	2	13			75	PHATECO	Vietnamese
11	NGUYỄN TUẤN PHONG	AMD	87-88	2	16			101	PHATECO	Vietnamese
12	BUI VĂN QUỐC	HST	91	1	5	3	40	59	PSV	Vietnamese
13	VŨ VĂN KHÔI	HST	61-62	2	13			70	HA VIỆT	Vietnamese
14	LÊ VĂN TINH	HST	64	1	7			58	HA VIỆT	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN CUƠNG	HST	60	1	11			89	HA VIỆT	Vietnamese
16	TRẦN HỮU CUƠNG	HST	59	1	12			77	HA VIỆT	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC TUẤN	HST	63	1	13			60	HA VIỆT	Vietnamese
18	LÊ PHƯƠNG THUY	HST	46-47	2	12			61	HA VIỆT	Vietnamese
19	VŨ QUỐC HUY	HST	57-58	2	12			74	HA VIỆT	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	0	0	0	0	0	0	2		
2	AMD	11	799	13	95	0	0	2		
3	HST	8	548	11	85	3	40	2		
TOTAL		19	1.347	24	180	3	40	6		
WEIGHT KG			1.347		180		40			

GRAND TOAL: 1.567 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Liệu VSP